

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II
HỆ TẬP TRUNG NĂM 2020
CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm): 03 học viên

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
1.	1.	Nguyễn Bùi Thùy Diễm	Nữ	04/10/1986	Quảng Nam	Kinh
2.	2.	Nguyễn Hữu Quốc	Nam	21/01/1973	Đồng Nai	Kinh
3.	3.	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	16/12/1989	Gia Lai	Kinh

2. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (X Quang): 02 học viên

4.	1.	Nguyễn Thế Tài	Nam	02/03/1980	Quảng Ninh	Kinh
5.	2.	Nguyễn Quốc Tiến	Nam	22/9/1972	Tp. Đà Nẵng	Kinh

3. Chuyên ngành Chẩn thương chỉnh hình: 07 học viên

6.	1.	Lê Vũ Bảo	Nam	02/03/1975	Thừa Thiên Huế	Kinh
7.	2.	Võ Công Hiếu	Nam	01/06/1987	Phú Yên	Kinh
8.	3.	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	11/11/1987	Nghệ An	Kinh
9.	4.	Trương Hoàng Vĩnh Khiêm	Nam	15/03/1985	Bình Thuận	Kinh
10.	5.	Bùi Châu Khoa	Nam	29/03/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
11.	6.	Nguyễn Thành Nhân	Nam	06/06/1973	Bình Định	Kinh
12.	7.	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	29/11/1986	Quảng Trị	Kinh

4. Chuyên ngành Da liễu: 03 học viên

13.	1.	Nguyễn Thị Quỳnh My	Nữ	10/11/1989	Gia Lai	Kinh
14.	2.	Trần Lê Mai Thảo	Nữ	01/05/1983	Quảng Ngãi	Kinh
15.	3.	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	19/05/1987	Lâm Đồng	Kinh

5. Chuyên ngành Gây mê hồi sức: 03 học viên

16.	1.	Huỳnh Hữu Hiệu	Nam	21/08/1987	Bình Định	Kinh
17.	2.	Hồ Ngọc Phát	Nam	17/9/1979	Hà Tĩnh	Kinh
18.	3.	Nguyễn Thiên Phú	Nam	11/02/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

6. Chuyên ngành Giải phẫu bệnh: 03 học viên

19.	1.	Vũ Thị Hiếu	Nữ	17/08/1986	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
20.	2.	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	Nữ	23/09/1979	Thừa Thiên Huế	Kinh
21.	3.	Phạm Quang Thông	Nam	20/02/1986	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

7. Chuyên ngành Hồi sức cấp cứu: 04 học viên

22.	1.	Trần Trường Giang	Nam	09/09/1983	Trà Vinh	Kinh
23.	2.	Hồ Thanh Phong	Nam	02/10/1983	Quảng Nam	Kinh
24.	3.	Lê Quang Thắng	Nam	26/8/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
25.	4.	Tô Nhuận Thủ	Nam	1987	Kiên Giang	Hoa

8. Chuyên ngành Huyết học: 01 học viên

26.	1.	Đặng Quốc Nhi	Nữ	27/07/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa
-----	----	---------------	----	------------	-----------------	-----

9. Chuyên ngành Lao: 05 học viên

27.	1.	Lương Minh Đường	Nam	25/05/1982	Đồng Tháp	Kinh
28.	2.	Phạm Thảo Hiền	Nữ	04/07/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
29.	3.	Đỗ Lê Anh Khoa	Nam	20/12/1975	Bình Định	Kinh
30.	4.	Lê Hồng Ngọc	Nữ	24/12/1977	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
31.	5.	Lê Trần Minh Thư	Nữ	13/05/1977	Tiền Giang	Kinh

10. Chuyên ngành Lão khoa: 05 học viên

32.	1.	Lâm Thùy Dương	Nữ	17/07/1986	Khánh Hòa	Kinh
33.	2.	Mai Trần Thị Bích Duyên	Nữ	20/11/1978	Bến Tre	Kinh
34.	3.	Phạm Thị Mai Hậu	Nữ	19/05/1983	Trà Vinh	Kinh
35.	4.	Huỳnh Thị Hồng Nhung	Nữ	26/06/1987	Trà Vinh	Kinh
36.	5.	Nguyễn Văn Sĩ	Nam	20/06/1979	Trà Vinh	Kinh

11. Chuyên ngành Ngoại khoa: 12 học viên

37.	1.	Ân Thái Hoàng Anh	Nam	01/04/1984	Trà Vinh	Khmer
38.	2.	Phạm Quốc Cường	Nam	03/02/1979	Kiên Giang	Kinh
39.	3.	Nguyễn Thanh Dũng	Nam	27/12/1983	Bến Tre	Kinh
40.	4.	Phan Hồ Huy Giang	Nam	28/02/1971	Phú Yên	Kinh
41.	5.	Nguyễn Việt Hải	Nam	30/11/1986	Quảng Nam	Kinh
42.	6.	Phạm Ngọc Hùng	Nam	10/02/1989	Tp. Hải Phòng	Kinh
43.	7.	Phùng Thanh Anh Kiệt	Nam	16/05/1979	Long An	Kinh
44.	8.	Lê Đình Linh	Nam	19/05/1986	Thanh Hóa	Kinh
45.	9.	Nguyễn Anh Nguyễn	Nam	02/07/1985	Tiền Giang	Kinh
46.	10.	Huỳnh Vinh Quang	Nam	20/07/1985	Đắk Lắk	Kinh
47.	11.	Nguyễn Bảo Xuân Thanh	Nam	28/11/1981	Lâm Đồng	Kinh
48.	12.	Nguyễn Hoàng Vân	Nam	16/01/1988	Tiền Giang	Kinh

12. Chuyên ngành Ngoại - Lồng ngực: 07 học viên

49.	1.	Lê Kim Cao	Nam	04/03/1991	Phú Yên	Kinh
50.	2.	Chung Giang Đông	Nam	19/12/1976	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
51.	3.	Lưu Hoài Nam	Nam	18/09/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
52.	4.	Trương Cao Nguyên	Nam	30/12/1990	Tp. Hải Phòng	Kinh
53.	5.	Nguyễn Hữu Thao	Nam	10/04/1991	Quảng Ngãi	Kinh
54.	6.	Nguyễn Khắc Trí	Nam	14/10/1975	Bến Tre	Kinh
55.	7.	Lê Hoàng Văn	Nam	12/03/1980	Vĩnh Long	Kinh

13. Chuyên ngành Ngoại - Nhi: 02 học viên

56.	1.	Hoàng Minh Hùng	Nam	06/08/1988	Thừa Thiên Huế	Kinh
57.	2.	Võ Xuân Thành	Nam	30/11/1983	Nghệ An	Kinh

14. Chuyên ngành Ngoại - Thần kinh và sọ não: 06 học viên

58.	1.	Huỳnh Tiền Đức	Nam	03/05/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
59.	2.	Lê Hải Hà	Nam	10/01/1983	Hà Tĩnh	Kinh
60.	3.	Bùi Thanh Hoàng	Nam	31/08/1979	Hòa Bình	Kinh
61.	4.	Trần Quốc Minh	Nam	07/01/1982	Bạc Liêu	Kinh
62.	5.	Lê Nguyễn Minh Sang	Nam	03/06/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
63.	6.	Nguyễn Trung Thành	Nam	28/10/1987	Quảng Ninh	Kinh

15. Chuyên ngành Ngoại - Tiết niệu: 04 học viên

64.	1.	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	25-2-1978	Bến Tre	Kinh
65.	2.	Phương Xuân Học	Nam	07/08/1979	Bắc Ninh	Kinh
66.	3.	Phan Trọng Hùng	Nam	10/07/1983	Nghệ An	Kinh
67.	4.	Nguyễn Hoài Phan	Nam	23/04/1987	An Giang	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
-----	----	-----------	------	-----------	----------	---------

16. Chuyên ngành Nhân khoa: 05 học viên

68.	1.	Son Thị Đa	Nữ	30/04/1977	Trà Vinh	Khmer
69.	2.	Hứa Anh Đức	Nam	23/08/1985	Tp. Đà Nẵng	Kinh
70.	3.	Tô Yến Phương	Nữ	05/09/1985	Kiên Giang	Kinh
71.	4.	Cao Ngọc Thạch	Nam	22/01/1988	Đồng Nai	Kinh
72.	5.	Trần Minh Trí	Nam	15/10/1986	An Giang	Kinh

17. Chuyên ngành Nhi - Hô hấp: 01 học viên

73.	1.	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	20/11/1985	Tp. Cần Thơ	Kinh
-----	----	----------------------	----	------------	-------------	------

18. Chuyên ngành Nhi - Hồi sức: 06 học viên

74.	1.	Nguyễn Thị Gia Hạnh	Nữ	13/08/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
75.	2.	Trần Minh Mẫn	Nam	07/05/1989	Long An	Kinh
76.	3.	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	14/02/1983	Tiền Giang	Kinh
77.	4.	Nguyễn Hà Phương	Nam	04/06/1990	Đắk Lắk	Kinh
78.	5.	Phạm Thái Sơn	Nam	16/02/1984	Bình Dương	Kinh
79.	6.	Trần Bích Thủy	Nữ	01/08/1981	Bạc Liêu	Kinh

19. Chuyên ngành Nhi: Huyết học - Ung bướu: 01 học viên

80.	1.	Vũ Đỗ Uyên Vy	Nữ	04/01/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
-----	----	---------------	----	------------	-----------------	------

20. Chuyên ngành Nhi - Sơ sinh: 02 học viên

81.	1.	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	08/10/1983	Bến Tre	Kinh
82.	2.	Lê Anh Thi	Nam	02/01/1987	Trà Vinh	Kinh

21. Chuyên ngành Nhi - Tiêu hóa: 03 học viên

83.	1.	Phạm Thị Lệ Diễm	Nữ	21/11/1988	Thái Bình	Kinh
84.	2.	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	18/01/1983	An Giang	Kinh
85.	3.	Phan Thị Tường Vân	Nữ	04/07/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

22. Chuyên ngành Nhi - Tim mạch: 01 học viên

86.	1.	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Nữ	27/10/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
-----	----	---------------------	----	------------	-----------------	------

23. Chuyên ngành Nội - Hô hấp: 01 học viên

87.	1.	Ngô Minh Tâm	Nam	20/01/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
-----	----	--------------	-----	------------	-----------------	------

24. Chuyên ngành Nội - Thận tiết niệu: 05 học viên

88.	1.	Nguyễn Công Bình	Nam	07/8/1986	Đắk Lắk	Kinh
89.	2.	Trần Văn Điền	Nam	1984	Bến Tre	Kinh
90.	3.	Lại Tân Tài	Nam	16/04/1983	Đồng Nai	Kinh
91.	4.	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	23/10/1988	Quảng Ngãi	Kinh
92.	5.	Trần Quang Anh Tuấn	Nam	11/08/1977	Trà Vinh	Kinh

25. Chuyên ngành Nội - Tiêu hóa: 02 học viên

93.	1.	Lê Thị Kim Lý	Nữ	11/08/1979	Tiền Giang	Kinh
94.	2.	Trần Thị Minh Minh	Nữ	12/08/1981	Thừa Thiên Huế	Kinh

26. Chuyên ngành Nội - Tim mạch: 07 học viên

95.	1.	Nguyễn Thiện Ái	Nam	12/01/1983	Thừa Thiên Huế	Kinh
96.	2.	Thái Thị Anh Chi	Nữ	15/12/1987	Long An	Kinh
97.	3.	Nguyễn Quỳnh Dao	Nữ	02/01/1974	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
98.	4.	Phạm Trương Mỹ Dung	Nữ	29/08/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
99.	5.	Huỳnh Minh Hồng	Nam	09/12/1981	An Giang	Kinh
100.	6.	Trần Hoàng Long	Nam	13/07/1980	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
101.	7.	Nguyễn Thụy Trang	Nữ	01/12/1984	Ninh Thuận	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
-----	----	-----------	------	-----------	----------	---------

27. Chuyên ngành Nội tiết: 03 học viên

102.	1.	Thái Châu Minh Duy	Nam	02/10/1978	An Giang	Kinh
103.	2.	Huỳnh Thanh Hùng	Nam	03/08/1988	Đắk Lắk	Kinh
104.	3.	Trần Thao Lược	Nam	04/08/1979	Kiên Giang	Kinh

28. Chuyên ngành Răng Hàm Mặt: 10 học viên

105.	1.	Hồ Đăng Hồng Ân	Nữ	23/10/1974	Bình Thuận	Kinh
106.	2.	Diệp Bửu Chi	Nữ	31/1/1979	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa
107.	3.	Bùi Thị Loan Chi	Nữ	22/8/1978	Bến Tre	Kinh
108.	4.	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	12/4/1982	Tiền Giang	Kinh
109.	5.	Lâm Thành Hiền	Nam	12/08/1980	An Giang	Kinh
110.	6.	Phạm Phi Lân	Nam	05/10/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
111.	7.	Trần Ngọc Liên	Nữ	13/05/1979	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
112.	8.	Nguyễn Tuyết Oanh	Nữ	17/08/1972	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
113.	9.	Trần Nhật Tân	Nam	12/07/1985	Quảng Nam	Kinh
114.	10.	Quách Hữu Thịnh	Nam	12/10/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

29. Chuyên ngành Quản lý y tế: 04 học viên

115.	1.	Nguyễn Trần Bảo Chi	Nữ	15/09/1981	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
116.	2.	Phạm Trương Khánh Giang	Nữ	07/05/1977	Đồng Nai	Kinh
117.	3.	Huỳnh Văn Tú	Nam	01/07/1966	Tây Ninh	Kinh
118.	4.	Đoàn Đại Thạch Vũ	Nam	19/10/1983	Bình Dương	Kinh

30. Chuyên ngành Sản phụ khoa: 20 học viên

119.	1.	Quách Hoàng Ân	Nam	24/11/1980	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
120.	2.	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	06/06/1982	Tây Ninh	Kinh
121.	3.	Bùi Thị Kiều Diễm	Nữ	21/02/1982	Trà Vinh	Kinh
122.	4.	Huỳnh Thị Thanh Giang	Nữ	31/07/1981	Gia Lai	Kinh
123.	5.	Bùi Thị Thu Hà	Nữ	05/11/1975	Nam Định	Kinh
124.	6.	Phạm Thị Hạnh	Nữ	12/02/1977	Thái Bình	Kinh
125.	7.	Vũ Đình Hiếu	Nam	31/8/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
126.	8.	Đinh Thị Vân Khanh	Nữ	07/08/1978	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
127.	9.	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	10/09/1982	Kiên Giang	Kinh
128.	10.	Nguyễn Thị Lựu	Nữ	30/12/1978	Quảng Trị	Kinh
129.	11.	Trần Lê Thúy Minh	Nữ	13/02/1987	Tp. Cần Thơ	Kinh
130.	12.	Huỳnh Ngọc Phước	Nam	02/02/1986	Đắk Lắk	Kinh
131.	13.	Nguyễn Duy Hoàng Minh Tâm	Nam	06/03/1980	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
132.	14.	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Nữ	29/06/1988	Bình Định	Kinh
133.	15.	Ngô Thị Thanh Thảo	Nữ	13/05/1980	Quảng Ngãi	Kinh
134.	16.	Nguyễn Ngọc Thoại	Nữ	11/08/1985	Đồng Nai	Kinh
135.	17.	Đông Đăng Tiến	Nam	04/06/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
136.	18.	Nguyễn Văn Trọng	Nam	02/12/1972	Quảng Ngãi	Kinh
137.	19.	Phạm Thị Ý Yên	Nữ	28/05/1981	Quảng Ngãi	Kinh
138.	20.	Phạm Thị Yên	Nữ	02/09/1982	Kiên Giang	Kinh

31. Chuyên ngành Tai Mũi Họng (Mũi Họng): 05 học viên

139.	1.	Bùi Thị Kiều Chinh	Nữ	10/05/1988	Bến Tre	Kinh
140.	2.	Huỳnh Thị Mỹ Hiền	Nữ	14/05/1986	Long An	Kinh
141.	3.	Phạm Bảo Long	Nam	18/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
142.	4.	Phạm Minh Tuấn	Nam	22/4/1974	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
143.	5.	Đào Duy Tường	Nam	11/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

32. Chuyên ngành Tâm thần: 01 học viên

144.	1.	Nguyễn Thị Phú	Nam	18/04/1979	Bến Tre	Kinh
------	----	----------------	-----	------------	---------	------

33. Chuyên ngành Thần kinh: 03 học viên

145.	1.	Đào Duy Khoa	Nam	23/08/1981	Kiên Giang	Kinh
146.	2.	Vũ Thị Thúy	Nữ	24/05/1984	Đồng Nai	Kinh
147.	3.	Nguyễn Thị Thùy Vân	Nữ	01/12/1982	Đồng Nai	Kinh

34. Chuyên ngành Tổ chức Quản lý dược: 09 học viên

148.	1.	Nguyễn Thị Thúy Anh	Nữ	22/02/1976	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
149.	2.	Hoàng Thị Thu Hằng	Nữ	19/06/1985	Đắk Lắk	Kinh
150.	3.	Vũ Thị Kim Khánh	Nữ	26/07/1982	Khánh Hòa	Kinh
151.	4.	Trần Cao Thụy Hạ Lan	Nữ	25/06/1984	Gia Lai	Kinh
152.	5.	Trương Thúy Quỳnh	Nữ	10/9/1984	Đồng Nai	Kinh
153.	6.	Phạm Ngọc Xuân Sơn	Nữ	04/11/1976	Bình Dương	Kinh
154.	7.	Ngô Thị Bích Thủy	Nữ	15/02/1982	Bạc Liêu	Kinh
155.	8.	Lê Bá Tiệp	Nam	18/12/1982	Vĩnh Phúc	Kinh
156.	9.	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Nữ	25/07/1971	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

35. Chuyên ngành Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới: 01 học viên

157.	1.	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	10/01/1985	Thanh Hóa	Kinh
------	----	--------------------	----	------------	-----------	------

36. Chuyên ngành Ung thư: 06 học viên

158.	1.	Trương Công Tuấn Anh	Nam	12/06/1978	Long An	Kinh
159.	2.	Trương Thanh Bình	Nam	16/12/1976	Bạc Liêu	Kinh
160.	3.	Phạm Thanh Hải	Nam	03/11/1981	Thái Nguyên	Kinh
161.	4.	Phạm Lê Xuân Huy	Nam	05/08/1989	Phú Yên	Kinh
162.	5.	Võ Trung Nghĩa	Nam	20/02/1980	Đắk Lắk	Kinh
163.	6.	Trần Sơn Vũ	Nam	07/07/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

37. Chuyên ngành Y học cổ truyền: 05 học viên

164.	1.	Ngô Hồng Hải Đăng	Nam	07/05/1982	Vĩnh Long	Kinh
165.	2.	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	05/03/1985	Ngoài nước	Kinh
166.	3.	Phùng Văn Thanh	Nam	10/10/1967	Ninh Thuận	Kinh
167.	4.	Ngô Thị Bé Tư	Nữ	21/11/1983	Bình Dương	Kinh
168.	5.	Ngô Thị Bạch Yến	Nữ	26/03/1985	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh

38. Chuyên ngành Y học gia đình: 02 học viên

169.	1.	Nguyễn Lê Thục Đoan	Nữ	24/02/1976	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh
170.	2.	Nguyễn Hồng Minh	Nam	05/01/1980	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh

Án định danh sách đề nghị công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp II năm 2020, hệ tập trung của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh có 170 (một trăm bảy mươi) học viên, thuộc 38 (ba mươi tám) chuyên ngành./.